| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 11 /2018/HNGĐ-PT<br>Ngày: 06 - 02 -2018<br>V/v tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp.

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Võ Thị Thu Thúy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2017/HNST ngày 06/9/2017, của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 474/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 19 tháng 6 năm 2017) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim Q, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Võ Tuấn Vĩnh T là Luật sư của Văn phòng luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Kim Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Kim Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, có giấy đăng ký kết hôn. Năm 2015 bà xin ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử tại bản án số 19/2015/HN-ST ngày 10/02/2015. Theo quyết định của bản án chỉ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q, việc nuôi con Nguyễn Duy T, Nguyễn Công T, còn phần tài sản giữa bà và ông Q tạo lập trong thời kỳ hôn nhân thì bà chưa có yêu cầu nên chưa giải quyết.

Tài sản vợ chồng bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Thửa đất số 375, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.670m$^2$; mục đích sử dụng đất:CLN+ONT; thửa đất số 247, tờ bản đồ số 02, diện tích 310m$^2$, mục đích sử dụng đất CLN, được UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, ông Nguyễn Kim Q đại diện đứng tên, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02417 ngày 23 tháng 4 năm 2002. Tài sản gắn liền với đất gồm có: Nhà kiên cố, các loại cây trồng trên đất. Tài sản trong nhà gồm có: 01 bộ bàn ghế chạm trổ, 01 tủ lạnh, 01 tivi, 01 dàn karaoke, 01 tủ ép nhựa, 01 tủ thờ, 01 bàn dài. Xe môtô có 4 xe: 01 xe Wave 50cc biển số 63K-7128, 01 xe Raider 150cc do Nguyễn Kim Q đứng tên, 01 xe Dream biển số 63F5-8864 do Nguyễn Kim Q đứng tên, 01 xe Nuow biển số 63H4-6867 do Nguyễn Kim Q đứng tên. Số tiền gửi tiết kiệm khoảng 700.000.000 đồng, do Nguyễn Kim Q đứng tên, gửi nhiều lần tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian gửi khoảng từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2014. Sau khi ly hôn bà có thảo thuận với ông Q về việc chia tài sản chung nhưng không thành.

Nay bà yêu cầu ông Q chia cho bà ½ giá trị nhà là 150.000.000 đồng, chia ½ giá trị tài sản trong nhà là 45.000.000 đồng, chia ½ số tiền gửi tiết kiệm là 350.000.000 đồng. Về xe: bà không tranh chấp. Các thửa đất bà sẽ tự thỏa thuận với ông Q. Tổng giá trị tài sản bà yêu cầu ông Q chia, bà tạm Nguyễn Công Th là 545.500.000 đồng.

Tại đơn rút lại một phần đơn, một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 bà P trình bày: Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản: Nhà kiên cố, các tài sản trong nhà. Bà chỉ yêu cầu ông Q chia cho bà số tiền tiết kiệm là 350.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Kim Q trình bày: Ông và bà P được Tòa án giải quyết ly hôn bằng bản án số 19/2015/HN-ST ngày 10/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tài sản sở hữu chung của ông và bà P gồm có: 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 tủ ép nhựa, 01 bộ bàn inox, 04 ghế nhựa inox. Nay bà P tranh chấp ông đồng ý chia đôi những tài sản này. Bà P yêu cầu chia nhà, 01 tủ thờ, ông Q xác định đây không phải là tài sản chung của bà P và ông mà là của bà Nguyễn Thị Tr (mẹ ông) tạo lập trước khi chết để lại cho ông. Bà P yêu cầu chia các tài sản: 01 bộ bàn ghế chạm trổ, 01 tivi 31 inch, 01 dàn karaoke, số tiền gửi 700.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi

nhánh Tiền Giang và chi nhánh Bến Tre, những tài sản này là không có nên không đồng ý chia.

Trước đây khi mẹ ông còn sống, các anh chị em ông ở nước ngoài gửi tiền về Việt Nam để ông lo cho mẹ. Năm 2008 mẹ ông chết, ông gửi 720.000.000 đồng vào ngân hàng. Ngày 04/8/2014 ông có rút 720.000.000 đồng, bà P có biết. Ngày 30/12/2014 bà P bỏ nhà ra đi. Sau khi bà P đi, số tiền 720.000.000 đồng ông đã chi phí sinh hoạt gia đình, nuôi dưỡng con Nguyễn Công T. Số tiền này hiện không còn nên không thể chia theo yêu cầu của bà P.

- Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2017/HNST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P.

Buộc ông Nguyễn Kim Q chia cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P về việc yêu cầu chia giá trị nhà và các tài sản trong nhà.

Về án phí chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu số tiền là 17.500.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 6.545.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31205 ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên bà P còn phải nộp tiếp số tiền là 10.955.000 đồng.

Về chi phí tố tụng 800.000 đồng, bà P chịu, bà P đã nộp xong.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08 tháng 9 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Kim Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn tiếp tục giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện chia ½ số tiền mà bị đơn đã gửi tại hai chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tiền Giang và huyện C, tỉnh Bến Tre với số tiền bị đơn phải chia cho nguyên đơn là 350.000.000 đồng.

Bị đơn cung cấp 03 phiếu (có 01 phiếu thể hiện ngày về 01/8/2011), 02 phiếu còn lại không thể hiện ngày tháng, năm, không có chữ ký, con dấu của cơ

quan tổ chức nào chứng nhận. Nội dung phiếu thứ nhất: con chuyển tiền trao cho má gấp 500$, anh nhận 500$ để lo cho mấy cháu; phiếu thứ hai "người nhận KIM Q NGUYEN  người gửi LAM KIM NGUYEN  đã nhận đủ số 200 CAD"; Phiếu thứ ba "Người gửi NGUYỄN THỊ HUỆ Người nhận NGUYỄN KIM Q 2,000 CAD".

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có cung cấp chứng cứ mới có liên quan đến các đương sự ở nước ngoài đề nghị Hội đồng xét xử đưa những người ở nước ngoài có liên quan vào tham gia tố tụng.

Trong các bảng kê của Ngân hàng thì số tiền rút nhiều hơn số tiền gửi là không hợp lý, ông Q mỗi lần gửi mỗi lần rút có nhiều số tài khoản khác nhau, số tiền giao dịch tổng các lần là trên 04 tỷ đồng là không cơ sở cần phải xem xét lại việc cung cấp chứng cứ của Ngân hàng.

Đề nghị Hội đồng xét xử đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là con của ông Q, bà P vào tham gia tố tụng do số tiền tranh chấp giữa vợ chồng ông Q, bà P, sau khi ông Q rút ra từ Ngân hàng đã chi phí cho việc học, sinh hoạt của con.

Các nội dung trên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc hủy bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn trong thời kỳ hôn nhân phát sinh khối tài sản chung nên việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp 03 tài liệu thể hiện việc giao dịch tiền với Ngân hàng Đông Á nhưng số lượng ngoại tệ quy đổi không tương ứng với số tiền được xác định là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn.

Việc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa con của vợ chồng anh Q, chị P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do cháu Nguyễn Công T đã sử dụng số tiền anh Q đã rút từ ngân hàng ra là không có căn cứ vì nội dung tranh chấp là chia tài sản sau ly hôn, không tranh chấp về việc sử dụng tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng chưa chứng minh được số tiền tranh chấp là tài sản riêng của bị đơn, do đó cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án đối với vụ án là có căn cứ đúng quy định của pháp luật theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu P và bị đơn Nguyễn Kim Q đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/1986, đến ngày 12/01/2015 Tòa án nhân dân thành phố M thụ lý giải quyết cho ly hôn theo bản án số 19/2015/HNST ngày 10/02/2015 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà P và ông Q, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án chưa xem xét giải quyết. Nay bà P yêu cầu Tòa án chia cho bà ½ số tiền ông Q gửi tại hai chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang và chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre với tổng số tiền là 720.000 đồng, bà xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Số tiền này hai chi nhánh Ngân hàng có bảng kê chi tiết: Tại chi nhánh Tiền Giang tổng cộng có 23 lần giao dịch, số dư đến ngày 02/6/2014 là 150.000.000 đồng, sau đó ông Q đã rút hết số tiền này vào ngày 04/8/2014; Tại chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre tổng cộng có 72 lần giao dịch, số dư đến ngày 04/8/2014 là 570.000.000.000 đồng, sau đó ông Q đã rút (03 lần) hết số tiền này vào ngày 04/8/2014. Ông Q thừa nhận tổng cộng số tiền ông Q đã rút tại hai chi nhánh ngân hàng 720.000.000 đồng và ông đã sử dụng hết số tiền này trong việc lo cho gia đình và nuôi con.

[3] Bị đơn Nguyễn Kim Q không thừa nhận số tiền gửi tiết kiệm là tài sản chung của vợ chồng tại phiên tòa sơ thẩm và cho rằng đây là tiền của chị em của ông ở nước ngoài gửi về để nuôi mẹ ông lúc còn sống, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc số tiền này tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp 03 phiếu (có 01 phiếu thể hiện ngày về 01/8/2011), 02 phiếu còn lại không thể hiện ngày tháng, năm, không có chữ ký, con dấu của cơ quan tổ chức nào chứng nhận. Nội dung phiếu thứ nhất "…con chuyển tiền trao cho má gấp 500$, anh nhận 500$ để lo cho mấy cháu.."; phiếu thứ hai "người nhận KIM QUANG NGUYEN  người gửi LAM KIM NGUYEN  đã nhận đủ số 200 CAD"; Phiếu thứ ba "Người gửi NGUYỄN THỊ HUỆ Người nhận NGUYỄN KIM Q 2,000 CAD". Đánh giá về chứng cứ để chứng minh chưa thể hiện rõ nội dung có liên quan đến số tiền đang tranh chấp về thời gian thể hiện trong các phiếu này, tổng số tiền quy đổi cũng không tương ứng, nếu gửi tiền về nuôi mẹ phải trước năm 2008 vì mẹ ông Q chết vào 16/4/2008, có phiếu lại ghi "ngày về 01/8/2011" nên việc ông Q khai và cung cấp 03 phiếu nêu trên chưa có cơ sở để xem xét Nguyễn Công Th hợp pháp, hợp lý trong việc chứng minh tài sản này là tài sản riêng của ông. Ngoài ra ông Q cũng đã có ý thức chủ động rút hết số tiền tại hai ngân hàng vào cùng một ngày 04/8/2014 và sau đó khai đã sử dụng hết số tiền này.

[5] Số tiền ông Q gửi tiết kiệm tại hai ngân hàng thể hiện ở các bảng kê do ngân hàng cung cấp trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2014, thời gian này ông Q và bà P chưa ly hôn nên xác định tài sản trong thời kỳ hôn nhân, theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng

của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung". Do không có gì chứng minh là tài sản riêng của vợ, chồng nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng, việc yêu cầu chia tài sản chung của bà P trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm về việc cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng do không đưa những người ở nước ngoài, con của ông Q, bà P vào tham gia tố tụng và bảng kê của ngân hàng cung cấp chưa chính xác là chưa cơ sở để chấp nhận vì trong thời gian kháng cáo, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do; đáng lẽ trong thời gian này bị đơn phải cung cấp tài liệu chứng cứ về nội dung kháng cáo của mình, với vai trò luật sư phải có trách nhiệm hỗ trợ cho thân chủ cung cấp các tài liệu chứng cứ đúng theo quy định pháp luật, có giá trị pháp lý và có ý nghĩa chứng minh trong vụ án, nhưng đương sự và luật sư chưa thực hiện được; do đó không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của luật sư.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng chưa có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nội dung kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với số tiền đang tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị đơn, do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do không có căn cứ chấp nhận việc kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim Q.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2017/HNST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P.

- Buộc ông Nguyễn Kim Q chia cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P về việc yêu cầu chia giá trị nhà và các tài sản trong nhà.

- Về án phí chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu số tiền là 17.500.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 6.545.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31205 ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên bà P còn phải nộp tiếp số tiền là 10.955.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng 800.000 đồng, bà P chịu, bà P đã nộp xong.

- Về án phí án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Kim Q phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 32374 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh TG;
- TAND Tp.M;
- THADS Tp.M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

HNPT-2018-Hko

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**